

Bản án số: 46/2018/HS-ST
Ngày 17 - 10 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÔNG CÔNG, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu NH.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Sơn.

Ông Nguyễn Khắc Nguyên.

Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Thái - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 41/2018/ TLST-HS, ngày 14 tháng 9 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Đỗ Văn T** (tức Đồi). Sinh năm 1978 tại xã Tân Châu, huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên.

Nơi cư trú: Thôn Tr, xã Tu, huyện K, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Họ, tên bố và mẹ: Không xác định; Mẹ nuôi: Đỗ Thị L; tiền sự: Không.

Tiền án: Có 03 tiền án.

- Ngày 5/6/2003, Tòa án thành phố Thái Nguyên xử phạt 2 năm về tội “Trộm cắp tài sản”; Ngày 24/11/2003, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 5 năm tù về tội “Cướp tài sản”, tổng hợp hình phạt 7 năm tù. Ngày 17/03/2010 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 24/10/2011, Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 18 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”, ngày 12/12/2012 chấp hành xong hình phạt tù.

- Ngày 18/03/2014, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 04 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”, ngày 25/6/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: Tại bản án số 68/2018/HS-ST ngày 25-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Đỗ Văn T 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 19/01/2018.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù trong vụ án khác - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: **Trần Quốc T1**. Tên gọi khác: không. Sinh ngày: 26/9/1989 tại thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

Nơi cư trú: Tổ 1A, pH T, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Quốc D, con bà Nguyễn Thị T; có vợ Nguyễn Thị Tâm và có 01 con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/11/2009, Tòa án thành phố Thái Nguyên xử phạt 9 tháng tù cho hưởng án treo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”, đến nay đã chấp hành xong. Ngày 26/8/2011, Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 15 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, đến nay đã chấp hành xong. Tại bản án số 68/2018/HS-ST ngày 25-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Trần Quốc T1 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2018.

Bị cáo đang chấp hành hình phạt tù trong vụ án khác - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. Họ và tên: **Phạm Đình H**. Tên gọi khác: Không. Sinh ngày: 17/11/1993 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang.

Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện S, tỉnh Tuyên Quang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hoá (học vấn): Lớp 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Đình T, con bà Nguyễn Thị M; tiền sự: Không.

Tiền án: Ngày 20/6/2013, Tòa án nhân dân tỉnh Tuyên Quang xử phạt 5 năm 3 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” và tội “Trộm cắp tài sản”. Tổng hợp hình phạt 9 tháng tù của bản án xử ngày 27/9/2012 là 6 năm tù, ngày 21/01/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

Nhân thân: Ngày 27/9/2012, Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 9 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Tại bản án số 68/2018/HS-ST ngày 25-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Phạm Đình H 02 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, thời hạn tù tính từ ngày 20/01/2018.

Bị cáo đang bị giam trong vụ án khác - bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

1. Ông Đặng Văn N, sinh năm 1962/ vắng mặt.
 2. Anh Đặng Văn Q, sinh năm 1984/ vắng mặt.
- Cùng trú tại: Xóm X, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.
3. Chị Dương Thị H, sinh năm 1985/ có mặt.
- Trú tại: Tổ dân phố N, phường L, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị N, sinh năm: 1989/vắng mặt.
Trú tại: Xóm X, xã B, thành phố S, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ cuối năm 2017 đến đầu năm 2018 Đỗ Văn T, Trần Quốc T1 và Phạm Đình H đã cùng nhau thực hiện các vụ trộm cắp tài sản trên địa bàn thành phố Sông Công, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 01 giờ ngày 30/12/2017 T1 điều khiển xe mô tô (là xe T1 mượn của một người bạn cùng tên T1 nhưng không rõ địa chỉ, không rõ biển số xe), chở T mang theo xà cày và vạm phá khóa do T chuẩn bị từ trước, đi từ phòng trọ của T ở tổ 18 pH Phan Đình Phùng, thành phố Thái Nguyên theo Quốc lộ 37, hướng đi huyện Phú Bình, khi đi đến dãy nhà trọ của chị Nguyễn Thị Thu Hằng ở tổ dân phố Ngân, pH Lương Sơn phát hiện có tài sản sơ hở, T1 dừng xe và đứng ngoài canh giới, còn T dùng xà cày phá khóa cổng nhà trọ, rồi vào sân dắt xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Sirius, biển số 20L7 – 1008 của chị Dương Thị H sinh năm 1985, trú tại tổ dân phố Ngân, pH Lương Sơn, thành phố Sông Công ra ngoài cổng, dùng vạm phá khóa điện, nổ máy và cùng T1 điều khiển xe đi về phòng trọ, trên đường về T và T1 dừng xe lại tháo vớt bỏ biển số. Ngày hôm sau, T1 mang chiếc xe trộm cắp được nhờ một người tên Duy bán được 3000.000đ, T1 chia cho T 1.250.000đ rồi cả hai tiêu hết số tiền trên.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 16 ngày 23/03/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công kết luận: Chiếc xe mô tô biển số 20L7 – 1008 có giá trị hiện còn 3.000.000đ.

Vụ thứ hai: Khoảng 02 giờ ngày 17/01/2018, T1 điều khiển xe Jupiter không biển số (là xe do T, T1, H đã trộm cắp tại thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang trước đó) chở H và T, mang theo xà cây và vạm phá khóa, mục đích tìm tài sản để trộm cắp. Khi đến thành phố Sông Công, phát hiện trong sân gia đình nhà ông Đặng Văn N ở xóm X, xã B, thành phố Sông Công có 03 chiếc xe mô tô, T1 dừng xe dùng xà cây phá khóa cổng, T1 và T đi vào trong sân, còn H ở ngoài canh giới. Phát hiện thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 20M7 – 9227 của anh Đặng Văn Q và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 20B1 – 19556 của ông Đặng Văn N có cắm chìa khóa điện ở ổ điện nên T1 dắt chiếc xe Honda Wave, còn T dắt chiếc xe Jupiter ra ngoài, nổ máy, rồi cả ba mỗi người điều khiển 01 chiếc xe đi theo đường tỉnh lộ 262 về phòng trọ của T ở thành phố Thái Nguyên cất giấu. Khoảng 10h cùng ngày, T1 và H tháo vớt bỏ biển số xe, đục phá số khung, số máy của 2 chiếc xe vừa trộm cắp. Sau đó, H điều khiển chiếc xe Honda Wave về thành phố Tuyên Quang tìm nơi tiêu thụ thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang phát hiện, thu giữ vật chứng. Tiến hành khám xét nơi ở của T cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đã thu giữ vật chứng là chiếc xe Jupiter biển số 20M7 – 9227 của anh Q, cùng các vật chứng khác như xà cây, vạm phá khóa...là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp tài sản.

Tại bản kết luận số 07 ngày 5/02/2018 của Hội đồng định giá tài sản thành phố Sông Công, kết luận: Chiếc xe mô tô biển số 20B1 – 195.56 giá trị 6.800.000đ, chiếc xe mô tô biển số 20M7 – 9227 giá trị 5.200.000đ.

Về vật chứng của vụ án:

- Chiếc xe mô tô Yamaha – Sirius, biển số 20L7 – 1008 của chị Dương Thị H, hiện chưa thu giữ được, cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra thông báo truy tìm vật chứng.

- Chiếc xe mô tô Yamaha Jupiter, biển số 20M7 – 9227 của anh Đặng Văn Q và chiếc xe mô tô Honda Wave, biển số 20B1 – 19556 của ông Đặng Văn N, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang thu giữ, chuyển giao vật chứng cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Sông Công trả lại cho chủ sở hữu quản lý sử dụng.

- Đối với chiếc xe Yamaha Jupiter màu vàng, không rõ biển kiểm soát là xe do T, T1, H đã trộm cắp tại thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, và một số đồ

vật là công cụ, phương tiện thực hiện hành vi trộm cắp cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang đã thu giữ, xử lý theo quy định.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là anh Q và ông N đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu các bị cáo phải bồi tH thêm khoản tiền nào khác; Chị Dương Thị H yêu cầu bị cáo T1 và T bồi tH theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Bản cáo trạng số 41/KSĐT ngày 13/9/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sông Công, tỉnh Thái Nguyên truy tố các bị cáo Đỗ Văn T, Trần Quốc T1 và Phạm Đình H ra trước TAND thành phố Sông Công để xét xử bị cáo Đỗ Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; bị cáo Trần Quốc T1, Phạm Đình H về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, kết luận hành vi của ba bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn T, Trần Quốc T1 và Phạm Đình H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

- Hình phạt chính: Căn cứ điểm g, khoản 2 Điều 173 BLHS; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Đỗ Văn T** từ 42 tháng tù đến 48 tháng tù. Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt với bản án số 68/2018/HS-ST ngày 25-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Quốc T1 từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt với bản án số 68/2018/HS-ST ngày 25-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo **Phạm Đình H** từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48-BLHS; Điều 584, 589 - BLDS. Ghi nhận sự thỏa thuận tại phiên tòa về việc bồi tH dân sự giữa bị cáo Đỗ Văn T và Trần Quốc T1 với người bị hại là chị Dương Thị H.

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 BLTTHS; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội buộc các bị cáo phải nộp án phí theo quy định. Tuyên các bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo luật định.

Lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt thấp nhất cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về hành vi phạm tội của các bị cáo:* Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình đúng như nội dung cáo trạng đã truy tố, lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của những người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Như vậy có đủ cơ sở xác định: Khoảng 01 giờ ngày 30/12/2017 bị cáo T1 điều khiển xe mô tô chở bị cáo T mang theo xà cày và vạm phá khóa đến trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha – Sirius, biển số 20L7 – 1008 của chị Dương Thị H tại tổ dân phố Ngân, pH Lương Sơn, thành phố Sông Công rồi mang đi bán được 3000.000đ, T1 chia cho T 1.250.000đ rồi cả hai tiêu hết số tiền trên. Khoảng 02 giờ ngày 17/01/2018, T1 điều khiển xe Jupiter không biển số chở H và T, mang theo xà cày và vạm phá khóa đến nhà ông Đặng Văn N ở xóm X, xã B, thành phố Sông Công trộm cắp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, biển số 20M7 – 9227 của anh Đặng Văn Q và chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, biển số 20B1 – 19556 của ông Đặng Văn N. Khi H điều khiển chiếc xe Honda Wave về thành phố Tuyên Quang tìm nơi tiêu thụ thì bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Tuyên Quang phát hiện bắt giữ.

Hành vi nêu trên của bị cáo Đỗ Văn T đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; hành vi của bị cáo Trần

Quốc T1, Phạm Đình H đã phạm vào tội “*Trộm cắp tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

“Điều 173. Trộm cắp tài sản

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng..., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...g) Tái phạm nguy hiểm”.

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đến 50.000.000 đồng”.

Ngoài hình phạt chính các bị cáo còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 BLHS viện dẫn ở trên.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi phạm tội của bị cáo Đỗ Văn T, Trần Quốc T1 và Phạm Đình H là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, hành vi đó còn gây mất trật tự trị an ở địa phương. Các bị cáo đều có nhân thân xấu, đã nhiều lần phải đi cải tạo về tội trộm cắp tài sản nhưng không hối cải, vì vậy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để tiếp tục cải tạo, giáo dục thành người lương thiện, đồng thời để răn đe, phòng ngừa chung đối với mọi người.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan Cảnh sát điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn nhận tội, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của ba bị cáo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo T và bị cáo T1 được người bị hại là chị H xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó trong lượng hình, HĐXX đã có xem xét giảm nhẹ phần nào mức hình phạt đối với các bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo Đỗ Văn T và Trần Quốc T1 phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS, bị cáo Phạm Đình H phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

Trong vụ án này, các bị cáo có cùng động cơ, mục đích và cùng trực tiếp thực hiện tội phạm.

[4] *Về hình phạt bổ sung*: Hội đồng xét xử thấy các bị cáo không có điều kiện, khả năng thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[5] *Về trách nhiệm dân sự*: Người bị hại là ông Đặng Văn N và anh Đặng Văn Q đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có yêu cầu bồi tH khoản tiền nào khác nên HĐXX không đặt ra giải quyết. Tại phiên tòa bị cáo T và bị cáo T1 thỏa thuận với người bị hại là chị Dương Thị H về việc bồi tH chiếc xe máy cho chị H theo giá tiền chị H đã mua là 5.000.000 đồng, theo đó bị cáo Đỗ Văn T và Trần Quốc T1 mỗi bị cáo phải bồi tH cho chị Dương Thị H số tiền **2.500.000 đồng**. Xét thấy việc thỏa thuận này không trái pháp luật cần ghi nhận.

[6] Xét đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát trong lời luận tội đối với các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt chính cùng các nội dung khác là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, những người bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án người có tên T1 cho bị cáo Trần Quốc T1 mượn xe đi trộm cắp, người có tên Duy giúp bị cáo Trần Quốc T1 bán tài sản trộm cắp, nhưng bị cáo Trần Quốc T1 không biết rõ họ tên, địa chỉ của những người này, do vậy cơ quan Cảnh sát điều tra không có cơ sở để mở rộng điều tra vụ án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo **Đỗ Văn T, Trần Quốc T1** và **Phạm Đình H** phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Căn cứ vào điểm g, khoản 2 Điều 173 BLHS; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 BLHS; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Đỗ Văn T** 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt với bản án số 68/2018/HS-ST ngày 25-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Đỗ Văn T 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo Đỗ Văn T phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **07** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **19/01/2018**.

- **Căn cứ** vào khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51BLHS; điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Quốc T1 02** năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng Điều 56 BLHS tổng hợp hình phạt với bản án số 68/2018/HS-ST ngày 25-7-2018 của Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang xử phạt Trần Quốc T1 02 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, buộc bị cáo Trần Quốc T1 phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là **04** năm **03** tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày **20/01/2018**.

- **Căn cứ** vào khoản 1 Điều 173 BLHS; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS; điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo **Phạm Đình H 02** năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo H bị bắt đi thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48-BLHS; Điều 584, 589 - BLDS.

Ghi nhận sự thỏa thuận về việc bồi tH dân sự giữa bị cáo Đỗ Văn T và Trần Quốc T1 với người bị hại là chị Dương Thị H, theo đó:

- Bị cáo Đỗ Văn T phải bồi tH cho chị Dương Thị H số tiền **2.500.000 đồng**.

- Bị cáo Trần Quốc T1 phải bồi tH cho chị Dương Thị H số tiền **2.500.000 đồng**.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, chị H có đơn yêu cầu thi hành, nếu hai bị cáo không thi hành được khoản tiền trên, thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi được xác định theo mức lãi suất tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Đỗ Văn T, Trần Quốc T1 và Phạm Đình H mỗi bị cáo phải chịu **200.000đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Buộc bị cáo Đỗ Văn T, Trần Quốc T1 mỗi bị cáo phải chịu

300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án đối với người có mặt và kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai đối với người vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS ND TP. Sông Công;
- Cơ quan CSĐT CA TP. Sông Công;
- CQTHAHS Công an TP. Sông Công;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên;
- CC T.H.A DS TP. Sông Công;
- Bị cáo;
- Lưu: HS, VP, T.H.A HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Hữu NHường